|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY CỔ PHẦN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG | Độclập-Tự do- Hạnhphúc |
| Số: /BC-IN | *Bình Dương, ngày tháng 01 năm 2024* |
|  |  |

### BÁO CÁO

### TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

### NHIỆM VỤ & BIỆN PHÁP NĂM 2024

I.ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

* Tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do chịu tác động chung của tình hình thế giới, đơn hàng xuất khẩu giảm, tiêu thụ thị trường chậm, sản xuất cầm chừng, hàng bao bì giảm mạnh, hàng tổng hợp SGK giảm 50% so với năm trước do không trúng thầu, chỉ nhận in gia công từ Công ty In Bến Tre. Một số máy in chủ lực: máy CD102-2, máy PM474 thường xuyên hư hỏng (do đã lâu năm và không được bảo dưỡng định kỳ) làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất.
* Đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch năm: đầu tư trạm điện, cải thiện nhà xưởng, di dời MMTB mở lối đi vào khu vực sản xuất..., đầu tư phần mềm kế toán mới.
* Nội bộ nhân sự trong Ban điều hành có biến động, thay đổi Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng ...; Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã bầu lại HĐQT nhiệm kỳ mới 2023-2028

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:**

**A.Về hoạt động sản xuất kinh doanh**: (Phụ lục kèm)

1. Sản lượng sản xuất:

* Thực hiện trong năm đạt 3.186,68 triệu trang in 13 x 19, đạt 87,31% kế hoạch, giảm 14,36% so với cùng kỳ năm trước;
* Chia theo nhóm hàng:

 + Nhóm bao bì: đạt 485,31 triệu trang in, đạt 97,06% kế hoạch, giảm 28,94% so với cùng kỳ năm trước.

 + Nhóm hàng tổng hợp: đạt 2.701,37 triệu trang in, đạt 85,76% kế hoạch, giảm 11,85% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản lượng bán ra:

* Thực hiện 3.268,67 triệu trang in, đạt 89,55% kế hoạch, giảm 11,85% so cùng kỳ năm trước.
* Chia theo nhóm hàng:

 + Nhóm bao bì: đạt 497,39 triệu trang in, đạt 99,48% kế hoạch, giảm 22,28% so với cùng kỳ năm trước.

 + Nhóm hàng tổng hợp: đạt 2.771,28 triệu trang in, đạt 87,98 kế hoạch, giảm 9,67% so với cùng kỳ năm trước.

3. Doanh thu:

* Thực hiện 89,243 tỷ đồng, đạt 99.85% so với kế hoạch; giảm 8,53% so với cùng kỳ năm trước Trong đó doanh thu nhóm hàng bao bì đạt 85%, hàng tổng hợp đạt 105%.

4. Lợi nhuận: 12,785 tỷ đồng đạt 114% so với kế hoạch; trong đó: Lợi nhuận sản xuất: 7,825 tỷ đồng, thu nhập tài chính: 4,537 tỷ đồng và thu nhập khác là 0,469 tỷ đồng.

**B. Các hoạt động khác:**

 1. Công tác tài chính kế toán:

* Hoàn thành báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán AASC chấp nhận; Chính thức áp dụng phần mềm kế toán Fast.
* Thực hiện quyết toán Thuế TNCN năm 2022 và quyết toán Thuế TNDN năm 2022 theo Báo cáo tài chính năm 2022 (Chỉnh sửa lần 1, ngày 18/3/2023); nộp tiền thuê đất năm 2023, thuế đất phi nông nghiệp năm 2023.
* Thực hiện trích lập các Quỹ và chi trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
* Hoàn thành bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

2. Quản trị Hành chính-Tổng hợp

* Tổng số lao động hợp đồng đến ngày 31/12/2023 là 119 lao động; trong kỳ giảm 28 lao động (thôi việc: 27, nghỉ hưu: 01), tăng mới: 18 lao động; Lập thủ tục cho lao động đủ tuổi nghỉ hưởng chế độ BHXH đúng quy định.
* Thực hiện điều chuyển nhiệm vụ, bổ nhiệm cán bộ, điều động lao động theo theo định biên lao động tái cơ cấu theo hướng tinh gọn, hiệu quả được phê duyệt. Ban hành văn bản chấn chỉnh Người lao động việc chấp hành Nội quy lao động Công ty về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; kiểm soát chấm công bằng máy nhận diện khuôn mặt khi ra vào Công ty.
* Ban hành đơn giá lương khoán cho tất cả các đối tượng tại Công ty và Triển khai áp dụng từ 1/8/2023.
* Tổng vệ sinh khu vực nhà xưởng, kho nguyên liệu sau khi sửa chữa; kiểm tra vận hành thử hệ thống xử lý nước thải nguy hại; hoàn tất lắp đặt trạm biến áp 1000KVA, ...; kiểm tra vận hành thử hệ thống xử lý nước thải, kết quả hệ thống không vận hành được (do thời gian dài không sử dụng);
* Công tác quản trị chất lượng:
	+ Chỉnh sửa và ban hành lại toàn bộ hệ thống tài liệu chất lượng; đánh giá tái chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
	+ Trong năm tiếp nhận và xử lý 89 báo cáo sản phẩm không phù hợp; nguyên nhân chủ yếu xãy ra tại khâu in; với tổng giá trị thiệt hại là: 440 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,53% doanh thu, giảm 13,4% so cùng kỳ.

3. Tình hình máy móc thiết bị:

* Trong năm thực hiện sửa chữa lớn máy CTP, máy in Proof; Di dời kết hợp bảo dưỡng MMTB; Hoàn thành bảo dưỡng máy in CD102-1, máy in PM274.
* Máy móc thiết bị nhìn chung hoạt động ổn định; tuy nhiên máy in CD102-2 chưa thể triển khai bảo dưỡng, hiện hoạt động không ổn định do hệ thống lô nước bị hỏng làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất.
* Trang bị mới 02 thiết bị phun keo bổ sung cho máy dán tự động tại Phân xưởng Thành phẩm.

**III. Nhận xét đánh giá**

 **Doanh thu cả năm đạt xấp xỉ 100%, lợi nhuận đạt 114%**

**1. Ưu điểm:**

* Mặc dù doanh thu đạt 100% song lợi nhuận đạt 114% cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh đã đi vào hiệu quả, trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 9,26% doanh thu.
* Chủ động triển khai công tác kế hoạch ngay từ đầu năm: triển khai công tác trọng tâm năm 2023, chủ động điều hành kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, đầu tư phần mềm quản trị kế toán....;
* Thực hiện khoán lương cho các đối tượng tại Công ty, gắn với kết quả kinh doanh; bước đầu tác động thái độ, trách nhiệm của người lao động.

\* Nguyên nhân:

* Đổi mới phương pháp điều hành, kiểm soát chặt chẻ chi phí; thực hiện tái cơ cấu tổ chức, khoán lương khối gián tiếp;
* Kịp thời ban hành các qui chế quản lý

2. Hạn chế:

* Biến động nhân sự trong nội bộ Ban điều hành; Báo cáo Tài chính năm 2022 đến tháng 08/2023 mới hoàn thành đã làm ảnh hưởng đến công tác đấu thầu, làm giảm doanh thu nhóm hàng vé số cào;
* Trong bối cảnh khó khăn về sản xuất kinh doanh, công tác giải quyết việc làm cho người lao động gặp khó khăn, lao động trực tiếp bị giảm giờ làm, lao động gián tiếp nghỉ phép luân phiên, ...;
* Máy móc thiết bị lâu ngày không được bảo dưỡng định kỳ; chỉ sửa chữa khi gặp sự cố hư hỏng nên rất bị động; kho khăn trong công tác điều hành sản xuất; Chất lượng hàng hóa chưa đảm bảo, xảy ra nhiều lỗi không phù hợp tại PXIN.

**IV. Nhiệm vụ, biện pháp năm 2024**

1. **Dự báo tình hình:**

 Thị trường in ấn tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi các ngành nghề khác (may mặc, giày da, gỗ...) lao động thất nghiệp tăng, tiêu thụ giảm....; Nhiều nhà in mới thành lập, mức cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Dự báo nhu cầu sản lượng bao bì không tăng.

1. **Chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD:**
* Sản lượng sản xuất: 2.890 triệu trang in (13 x19)
* Doanh thu: đạt 91,6 tỷ đồng
* Lợi nhuận: đạt 12,16 tỷ đồng (trong đó: lợi nhuận tài chính 3 tỷ đồng).
1. **Các giải pháp trọng yếu cần thực hiện:**

 a. Tiếp tục kiện toàn công tác quản trị nội bộ nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chức năng nhiệm vụ từng bộ phận được phân công.

 b. Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, rà soát lại các quy trình trong hệ thống quản lý chất lượng ISO; kịp thời điều chỉnh bổ sung đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

 c. Bộ phận KHKD, Cung Ứng-Kho hàng bám sát thị trường nguyên vật liệu đầu vào; giá cả hàng hóa đầu ra để tiếp nhận hàng hóa đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

 d. Lập kế hoạch đầu tư thay thế một số máy móc thiết bị: hệ thống máy CTP, máy bế tự động; duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị kịp thời, thường xuyên thích ứng với điều kiện sản xuất của từng máy móc, thiết bị, tài sản phục vụ quản lý sản xuất.

 Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và nhiệm vụ biện pháp thực hiện năm 2024.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi gửi:*- HĐQT, BKS;- Ban điều hành;- Các BP;-Lưu VT./. | GIÁM ĐỐC |

PHỤ LỤC

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CHỈ TIÊU |  KH 2023 |  TH 2023 | TH/KH 2023 (%) |  KH 2024  | KH 2024/ TH 2023 (%)  | GHI CHÚ |
|
|
| Sản xuất (triệu trang) | 3.650 | 3.186 | 87% | 2.886 | 91% |   |
|  + Nhóm hàng Bao bì | 500 | 485 | 97% | 560 | 115% |   |
|  + Nhóm hàng Tổng hợp | 3.150 | 2.701 | 86% | 2.326 | 86% |   |
| Tiêu thụ (triệu trang) | 3.650 | 3.269 | 90% | 2.890 | 88% |   |
|  + Nhóm hàng Bao bì | 500 | 498 | 100% | 560 | 112% |   |
|  + Nhóm hàng Tổng hợp | 3.150 | 2.255 | 72% | 2.330 | 103% |   |
|  + Gia công SGK |   | 516 | 100% |   |   |   |
| Doanh thu ((triệu đồng) | 89.375 | 89.243 | 100% | 94.600 | 106% |   |
|  + Nhóm hàng Bao bì | 36.000 | 30.605 | 85% | 37.000 | 121% |   |
|  + Nhóm hàng Tổng hợp | 49.000 | 51.690 | 105% | 54.600 | 106% |   |
|  + Gia công SGK |   | 1.463 |   |   |   |   |
|  + Giấy Vụn |   | 479 |   |   |   |   |
|  + Thu nhập khác |   | 469 |   |   |   |   |
|  *+ Lợi nhuận HĐ tài chính* | *4.375* | *4.537* | 104% | *3.000* | 66% |  |
|  *+ Lợi nhuận HĐ SXKD* | *6.875* |  *7.825*  |  | *9.160* | 117% |  |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 11.250 | 12.785 | 114% | 12.160 | 95% |   |
| Thuế TNDN (20%) |  2.250  | 2.599 |   |  2.432  |   |   |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.000 | 10.186 | 113% | 9.728 | 96% |   |
| Chia cổ tức % | 7,74 | 3,5 | 45% | 3,5 | 100% |   |
| Chia cổ tức | 6.966 | 3.150 | 45% | 3.150 | 100% |   |
| Lợi nhuận còn lại phân phối | 1.134 | 1.499 | 132% | 1.607 | 107% |   |
|  + Quỹ đầu tư phát triển | 540 | 604 | 112% | 973 | 161% |   |
|  + Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 270 | 302 | 112% | 292 | 97% |   |
|  + Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BĐH |   | 182 |   |   |   |   |
|  + Thù lao HĐQT,BKS không chuyên trách | 324 | 291 | 90% | 342 | 118% |   |
|  + Tiền lương BĐH, BKS chuyên trách |   | 120 |   |   |   |   |
| Lợi nhuận còn lại chưa phân phối |   | 5.537 |   | 4.971 |   |   |